

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DMC
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày 05-4-2022.
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Đào;

Ông Trần Hữu Thiện;

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện DMC, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số nhà 511, đường 784, ấp TA, xã TM, Huyện DMC, tỉnh TN.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc E (Lê Thị Ngọc A), sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ 07, ấp TB, xã TM, Huyện DMC, tỉnh TN.

Bà B có mặt tại phiên tòa; bà E (bà A) vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2020 và được bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà B trình bày:

Bà B và bà E (bà A) có mối quan hệ họ hàng, bà B có cho bà E (bà A) vay nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 01: Vào ngày 16-9-2014 AL, bà B có cho bà E (tên gọi khác Lê Thị Ngọc A) vay 01 (một) cây vàng 99,99, 24 kara 96%, khi vay bà E (bà A) có viết giấy vay và có ký tên.

Lần 02: Vào ngày 18-9-2014 AL, bà E (tên gọi khác Lê Thị Ngọc A) tiếp tục vay 01 (một) cây vàng 99,99, 24 kara 96%, khi vay bà E (bà A) có viết giấy vay và có ký tên.

Lần 03: Vào ngày 18-10-2014 AL, bà E (tên gọi khác Lê Thị Ngọc A) tiếp tục vay 01 (một) cây vàng 99,99, 24 kara 96%, khi vay bà E (bà A) có viết giấy vay và có ký tên.

Lần 04: Vào ngày 24-12-2014 AL, bà E (tên gọi khác Lê Thị Ngọc A) tiếp tục vay 01 (một) cây vàng 99,99, 24 kara 96%, khi vay bà E (bà A) có viết giấy vay và có ký tên.

Lần 05: Vào ngày 08-4-2015 AL, bà E (tên gọi khác Lê Thị Ngọc A) tiếp tục vay 01 (một) cây vàng 99,99, 24 kara 98%, khi vay bà E (bà A) có viết giấy vay và có ký tên.

Ngoài ra bà E (bà A) còn vay tiền của bà B và có ký nhận nợ với các lần như sau:

- Ngày 24-12-2014 AL; vay với số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 24-02-2015 AL; vay với số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 06-4-2015 AL; vay với số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 09-7-2015 AL; vay với số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền vay là 90.000.000 đồng, vàng mượn 4 cây (40 chỉ) vàng 24 kara 96 % và 1 cây vàng 24 kara 98%.

Ngoài ra còn nhiều lần giao dịch khác sổ nhưng bà E (bà A) đã trả và ghi chữ “R” được bà B trình bày là đã trả xong.

Tại Toà, bà B tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 30.000.000 đồng, bà B yêu cầu bà E (bà A) có nghĩa vụ trả cho bà B tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và 40 chỉ vàng (4 cây vàng) 24 kara 96% và 10 chỉ vàng 24 kara 98%, bà B không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc E (Lê Thị Ngọc A) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà E (bà A) vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã

thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B; Buộc bà E (bà A) có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền vay gốc 60.000.000 đồng; 40 chỉ vàng (04 cây vàng) 24 kara 96% và 10 chỉ vàng (01 cây vàng) 24 kara 98%. Ghi nhận bà B không yêu cầu tính lãi.

Bà E (bà A) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà B khởi kiện yêu cầu bà E (bà A) có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 90.000.000 đồng và 40 chỉ vàng 24 Kara 96%; 10 chỉ vàng 24 kara 98%, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bà E (bà A) có nơi cư trú tại tổ 07, ấp TB, xã TM, Huyện DMC, tỉnh TN. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Qua xác minh tại công an xã TM cung cấp cho Tòa án như sau: Bà Lê Thị Ngọc E có tên gọi khác là Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1964, bà Lê Thị Ngọc E và bà Lê Thị Ngọc A là một người, bà E (bà A) có chồng tên Tống Thanh B.

Bà Lê Thị Ngọc E (Lê Thị Ngọc A) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng bà E (bà A) vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16-9-2014 AL; 18-9-2014 AL; 18-10-2014; ngày 24-12-2014 AL; 08-4-2015 AL; 24-02-2015 AL; 06-4-2015 AL; 09-7-2015 AL, bà E (bà A) có ghi giấy mượn vàng, mượn tiền nhiều lần có ký tên đến ngày 06-11-2020 bà B khởi kiện đòi lại tài sản đã cho vay. Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự, về thời hiệu khởi kiện đòi tài sản vẫn còn.

[3] Về nội dung vụ án:

Các lần vay của bà E (bà A) đã thực hiện và bà E (bà A) có ký nhận trong các lần vay. Hai bên không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay nhưng thực tế có trả lãi cho bà B, bà B đồng ý khấu trừ 30.000.000 đồng tiền vay gốc là tiền bà đã nhận lãi vay. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà B.

Căn cứ vào giấy mượn tiền, vàng đã được Tòa án tiến hành trưng cầu giám định: Tại kết luận giám định số: 2983/C09B ngày 10-6-2021 của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành Phố Hồ Chí Minh kết luận “Chữ ký mang tên Lê Thị Ngọc E dưới mục “Người mượn” trên 03 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký mang tên Lê Thị Ngọc E (Lê Thị Ngọc A) trên 10 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 là do cùng một người ký ra”. Như vậy có đủ căn cứ Hội đồng xét xử xác định sự việc là có thật. Đến hẹn, bà E (bà A) không trả cho bà B là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do bà E (bà A) cam kết. Hội đồng xét xử cần buộc bà E (bà A) có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 60.000.000 đồng và 40 chỉ vàng 24 kara 96 %; 10 chỉ vàng 24 kara 98%.

[4] Giá vàng 24 kara 96 % tại ngày xét xử được bán ra với giá 53.350.000 đồng/cây vàng (10 chỉ vàng).

Vàng 24 kara 98 % tại ngày xét xử được bán ra với giá 56.000.000 đồng/cây vàng (10 chỉ vàng).

53.350.000 đồng/cây vàng X 4 cây vàng 24kara 96% = 213.400.000 đồng.

1 cây vàng 24 kara 98 % = 56.000.000 đồng.

60.000.000 đồng + 56.000.000 đồng + 213.400.000 đồng = 329.400.000 (Ba trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm nghìn) đồng.

[5] Quá trình Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, bà E (bà A) vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do bà B cung cấp; kết luận giám định của C09B- Bộ công an để chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B. Ghi nhận bà B không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Căn cứ các Điều 161; 162 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bà Lê Thị Ngọc E (Lê Thị Ngọc A) phải chịu 6.000.000 đồng. Bà Lê Thị B đã tạm ứng số tiền này. Hội đồng xét xử buộc bà E (bà A) trả lại bà B số tiền 6.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà E (bà A) phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà E (bà A) phải chịu 16.470.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 161; Điều 162; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với bà Lê Thị Ngọc E.

Buộc bà Lê Thị Ngọc E có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị B số tiền nợ gốc 329.400.000 (Ba trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà Lê Thị B không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc E (bà Lê Thị Ngọc A) phải chịu 16.470.000 (Mười sáu triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Buộc bà Lê Thị Ngọc E (bà Lê Thị Ngọc A) trả lại bà Lê Thị B số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Ngọc E (Lê Thị Ngọc A) chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng bà Lê Thị Ngọc E (Lê Thị Ngọc A) còn phải trả cho bà Lê Thị B số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N).

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa